

Bản án số: **346/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/8/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Vinh
2. Ông Trương Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trịnh Đức T, sinh năm 1977 (có mặt)

HKTT: Khu 8, phường H, thành phố H, tỉnh H

Chỗ ở: Số 5, phố T, phường H, thành phố H, tỉnh H

Bị đơn: chị Đặng Hồng T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

HKTT: Cụm 12, thôn V, xã V, huyện T, Hà Nội

Chỗ ở: Cụm 12, thôn V, xã V, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, anh Trịnh Đức T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Đức T và chị Đặng Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2005 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn V, xã V, huyện T, Hà Nội. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T có quan hệ bất chính với người khác và đã bỏ nhà ra ngoài sống một thời gian. Tháng 12/2017, anh T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, nhưng do anh T bận công việc, không đến

tòa theo giấy triệu tập của tòa, nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Từ năm 2017, anh T đã về H sinh sống. Chị T và các con vẫn ở tại V. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, tiếp tục hôn nhân cũng không có hạnh phúc, nên anh T xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Trịnh Đức T và chị Đặng Hồng T có 02 con chung là cháu Trịnh Minh Hiếu, sinh ngày 23/3/2011 và cháu Trịnh Đặng Hồng Đức, sinh ngày 09/4/2007. Ly hôn, anh T có nguyện vọng giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả hai con chung 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Đặng Hồng T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ, yêu cầu chị T đưa hai con chung của anh chị đến Tòa để ghi nguyện vọng của các cháu nhưng đều vắng mặt không có lý do, không đưa con chung đến tòa, không cung cấp lời khai, không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Đức T, anh T được ly hôn chị Đặng Hồng T; Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi cả hai con chung 5.000.000 đồng/tháng. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Anh Trịnh Đức T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Đặng Hồng T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là chị Đặng Hồng T có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã V, huyện T, Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3. Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Chị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Đức T và chị Đặng Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2005 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh T xin ly hôn vì theo anh trình bày, chị T có quan hệ bất chính với người khác và đã bỏ nhà ra ngoài sống một thời gian. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Xác minh tại chính quyền địa phương, xác định anh T, chị T có mâu thuẫn về tình cảm nên đã sống ly thân từ khoảng năm 2017 đến nay. Tháng 12/2017, anh T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, sau đó do anh T vắng mặt nên tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng từ đó đến nay, anh chị không thể khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ, nên anh T tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với chị T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T, chị T đã trầm trọng, nếu duy trì hôn nhân cũng không đạt được mục đích hôn nhân. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trịnh Đức T, anh T được ly hôn chị T.

2.2. Về con chung: Anh Trịnh Đức T và chị Đặng Hồng T có 02 con chung là cháu Trịnh Minh Hiếu, sinh ngày 23/3/2011 và cháu Trịnh Đặng Hồng Đức, sinh ngày 09/4/2007. Ly hôn, anh T có nguyện vọng giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Quá trình giải quyết vụ án, do cả hai con chung đều đã trên 07 tuổi nên Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T, yêu cầu chị T mang con chung đến tòa, nhưng chị T đều không chấp hành. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà chị T để ghi lời khai của chị và ghi nguyện vọng của các cháu nhưng đều không gặp được chị T và các cháu. Xác minh tại chính quyền địa phương, cả hai con hiện đều do chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và sinh sống cùng chị T tại Cụm 12, thôn V, xã V, huyện T, Hà Nội. Chính

quyền địa phương cung cấp: đã gặp chị T, chị T trình bày đồng ý ly hôn với anh T và xin nuôi cả hai con chung, nhưng chị không đồng ý đến Tòa. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt cũng như tâm lý phát triển của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả hai con chung 5.000.000 đồng/tháng. Xét đây là sự tự nguyện của anh T, mức cấp dưỡng phù hợp với điều kiện của anh T và phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh Trịnh Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Đức T. Anh Trịnh Đức T được ly hôn chị Đặng Hồng T.

2. Về con chung: Anh Trịnh Đức T và chị Đặng Hồng T có 02 con chung là cháu Trịnh Minh Hiếu, sinh ngày 23/3/2011 và cháu Trịnh Đặng Hồng Đức, sinh ngày 09/4/2007. Ly hôn, giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc anh T cấp dưỡng nuôi cả hai con chung 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Đức T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Anh Trịnh Đức T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Trịnh Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0062588 ngày 14/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng